

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số: 3401145174/BINHAN

SỞ CÔNG THƯƠNG BÌNH DƯƠNG
Số:..... VP Số.....
Ngày nhận: 20/11/2020.....
Ngày trả: 20/11/2020.....

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO BÌNH AN

Địa chỉ:

Trụ sở chính: Thôn Thuận Minh, Xã Thuận Quý, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận

VP Xưởng: Số 1045 đường DT743C, Phường Tân Đông Hiệp, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0339518888

Fax:

E-mail: peaceplus.binhan@gmail.com

CÔNG BỐ

Sản phẩm: **KHẨU TRANG CAO CẤP PEACE PLUS**

Nhóm sản phẩm: Nhóm 01: Sản phẩm dệt may dành cho trẻ em dưới 36 tháng tuổi. Nhóm 2:

Sản phẩm dệt may tiếp xúc trực tiếp với da

Phù hợp theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia **QCVN 01:2017/BCT** của Bộ Công Thương về mức giới hạn hàm lượng Formaldehyt và Amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm Azo trong sản phẩm dệt may

Loại hình đánh giá:

+ Tự đánh giá (bên thứ nhất)

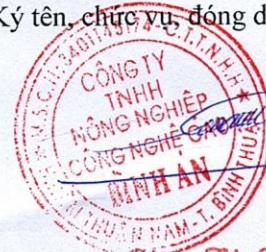
+ Tiêu chuẩn cơ sở số: **TCCS 02:2020/BINHAN**

+ Theo giấy kết quả thẩm định/giám định số **30040/PKN-VKNQG** ngày 20 tháng 10 năm 2020 của **VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**

Công ty TNHH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO BÌNH AN cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

Bình Dương, ngày 28 tháng 10 năm 2020

Đại diện Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



Phạm Thị Tuyết Mai

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO BÌNH AN	KHẨU TRANG CAO CẤP PEACE PLUS	TCCS 02:2020/BINHAN
		Có hiệu lực từ ngày ký

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
SỐ 02:2020/BÌNH AN

KHẨU TRANG CAO CẤP PEACE PLUS

Bình Dương, ngày 16 tháng 10 năm 2020

Giám Đốc



Phạm Thị Tuyết Mai

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO BÌNH AN	KHẨU TRANG CAO CẤP PEACE PLUS	TCCS 02:2020/BINHAN
		Có hiệu lực từ ngày ký

PHẠM VI ÁP DỤNG.

Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm KHẨU TRANG CAO CẤP PEACE PLUS. Sản phẩm được dùng cho mục đích che phủ vùng mặt (mũi, miệng) để ngăn ngừa, bảo vệ sức khỏe người đeo khỏi bụi bặm thông qua đường hô hấp do Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Bình An sản xuất và phân phối

1. THÀNH PHẦN.

- Thành phần chính sử dụng để sản xuất KHẨU TRANG CAO CẤP PEACE PLUS:
 - + Dây thun: mềm, độ đàn hồi tốt
 - + 4 lớp Spunbound SS: là lớp vải không dệt lọc bụi, lọc khuẩn đảm bảo chất lượng
 - + Thanh mũi: mềm, dễ uốn cong

2. YÊU CẦU KỸ THUẬT.

2.1.Quy định chung.

- Sản phẩm không gây dị ứng da cho người đeo
- Bề mặt sản phẩm sạch sẽ, không còn đầu chỉ xơ vải và không có lỗi ngoại quan
- Dây đeo được dập máy chắc chắn tại bốn góc của khẩu trang
- Các mép khẩu trang ôm khít khuôn mặt người đeo

2.2.Cấu trúc.

- Các lớp vải: Gồm 4 lớp vải không dệt mềm mịn có tác dụng lọc bụi và tạo cảm giác dễ chịu cho người sử dụng. Có dạng phẳng, nếp gấp
- Thanh nẹp mũi
- Dây đeo

2.3.Kiểu dáng, kích thước.

Thiết kế kiểu dáng của sản phẩm phù hợp với khuôn mặt, ôm khít vùng miệng, chất liệu vải không dệt mịn, mềm mại mang lại cảm giác thoải mái dễ chịu cho người sử dụng, KHẨU TRANG CAO CẤP PEACE PLUS ngăn ngừa, bảo vệ sức khỏe người đeo khỏi bụi bặm thông qua đường hô hấp. Dây quai bằng thun giữ khẩu trang ôm sát và kín vùng mặt, thanh nẹp mũi mềm và dễ uốn cong giúp ôm sát vùng mũi và không bị bung trở lại

2.4.Yêu cầu đối với vật liệu.

2.4.1. Lớp vải.

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO BÌNH AN	KHẨU TRANG CAO CẤP PEACE PLUS	TCCS 02:2020/BINHAN
		Có hiệu lực từ ngày ký

- Sử dụng vải không dệt, không thấm hút nước, màu sắc: Màu trắng, xanh và các màu khác
- Định lượng vải không dệt từ: 14 g/m² đến 40 g/m²

2.4.2. Thanh nẹp mũi.

Bằng nhựa 100% PVC nguyên chất hoặc kẽm bọc nhựa PE. Có tác dụng kẹp kín khẩu trang lên song mũi

2.4.3. Dây đeo.

Dây đeo bằng sợi polyester và spandex, không latex, giúp cho việc đeo, tháo khẩu trang dễ dàng, đảm bảo an toàn khi sử dụng

2.4.4. Yêu cầu các chỉ tiêu chất lượng

Các chỉ tiêu chất lượng của KHẨU TRANG CAO CẤP PEACE PLUS phù hợp với các yêu cầu

Bảng 1 – Giới hạn cho phép trong vải không dệt

NGUYÊN TỐ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHẤT LƯỢNG	PHƯƠNG PHÁP THỬ
Hàm lượng Formaldehyt tự do và thủy ngân	mg/kg	Nhóm 1: tối đa 30 mg/kg Nhóm 2: tối đa 75 mg/kg	QCVN 01:2017/BCT
Hàm lượng các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm Azo	mg/kg	Tối đa 30 mg/kg	QCVN 01:2017/BCT

3. THỜI HẠN SỬ DỤNG.

- 5 năm kể từ ngày sản xuất
- Ngày sản xuất xem trên bao bì sản phẩm

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG.

Kéo dây đeo ra, đặt khẩu trang lên mặt, đeo dây vòng qua tai, điều chỉnh nẹp mũi vừa sát khuôn mặt, kéo mép dưới khẩu trang che kín cằm

5. BAO GÓI, GHI NHÃN, BẢO QUẢN, VẬN CHUYỂN.

5.1. Bao gói.

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO BÌNH AN	KHẨU TRANG CAO CẤP PEACE PLUS	TCCS 02:2020/BINHAN
		Có hiệu lực từ ngày ký

- Sản phẩm được đựng trong hộp giấy theo hình dạng, mẫu thiết kế của nhà sản xuất, kích thước hộp 200 mm x 95 mm x 100 mm. Hộp đựng mới, sạch sẽ, không thùng rách và rộng hơn sản phẩm
- Số lượng: 50 cái/hộp. Số lượng và quy cách đóng gói khẩu trang có thể thay đổi tùy theo nhu cầu của thị trường và khách hàng

5.2. Ghi nhãn.

Nhãn sản phẩm phải phù hợp theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 và các văn bản hiện hành khác của Nhà Nước. Trên mỗi sản phẩm phải có đầy đủ các thông tin sau:

- + Tên sản phẩm
- + Nhãn hiệu
- + Tên nhà sản xuất
- + Địa chỉ
- + Tên nhà phân phối
- + Địa chỉ
- + Định lượng
- + Ngày sản xuất
- + Thành phần hoặc thành phần định lượng
- + Thông tin, cảnh báo
- + Hướng dẫn sử dụng

5.3. Bảo quản.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, không nhiễm bụi bẩn và tránh nhiệt độ cao (trên 40⁰C hoặc 104⁰F)

5.4. Vận chuyển.

Vận chuyển bằng phương tiện thông thường, xếp dỡ nhẹ nhàng, không được lật ngược thùng sản phẩm

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ
CAO
BÌNH AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC

(Đính kèm bản công bố hợp quy số 3401145174/BINHAN)

STT	Tên sản phẩm	Mã hàng	Kiểu sản phẩm	Loại sản phẩm	Nhãn hiệu	Nhóm sản phẩm	Đặc trưng kỹ thuật
1	KHẤU TRĂNG CAO CẤP PEACE PLUS	6217	Khẩu trang cao cấp PEACE PLUS màu sắc đa dạng theo thiết kế	100% Polypropylene	PEACE PLUS	Nhóm 01 và nhóm 02	- Hàm lượng Formaldehyt ≤ 75 mg/kg - Hàm lượng Amin thom ≤ 30 mg/kg

Bình Dương, Ngày 26 tháng 10 năm 2020


PHẠM THỊ TUYẾT MAI

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00001

Đăng ký lần đầu, ngày 06 tháng 04 năm 2020

1. Tên địa điểm kinh doanh: XƯỞNG SẢN XUẤT - CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO BÌNH AN

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Số 1045 đường ĐT 743C, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: PHẠM THỊ TUYẾT MAI

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 07/08/1960

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001160017517

Ngày cấp: 05/12/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 23/45 đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 23/45 đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO BÌNH AN

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 3401145174

Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: Thuận Minh, Xã Thuận Quý, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Số chứng thực: 23737

Quyển số: 05 /SCT/RS tại UBND phường,

Ngày: 25-08-2020



**CÔNG TY TNHH NÔNG
NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
BÌNH AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2020/BINHAN

Bình Dương, ngày 28 tháng 10 năm 2020

**BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ HỢP CHUẨN/HỢP QUY**

1. Ngày đánh giá: 26/10/2020
2. Địa điểm đánh giá: Nhà máy sản xuất **KHẨU TRANG CAO CẤP PEACE PLUS**
Địa chỉ: Số 1045 đường DT743C, Phường Tân Đông Hiệp, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
3. Tên sản phẩm: **KHẨU TRANG CAO CẤP PEACE PLUS**
4. Số hiệu tiêu chuẩn / quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: **TCCS 02:2020/BINHAN / QCVN 01:2017/BCT**
5. Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm: **VIỆN KIỂM NGHIỆM VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM QUỐC GIA**
6. Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo tiêu chuẩn / quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và hiệu lực việc áp dụng, thực hiện quy trình sản xuất:
Theo kết quả thẩm định/giám định số **30040/PKN-VKNQG** ngày 20 tháng 10 năm 2020 của **VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**, sản phẩm **KHẨU TRANG CAO CẤP PEACE PLUS** phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 01:2017/BCT của Bộ Công Thương về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mức độ giới hạn hàm lượng Formaldehyt và Amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm Azo trong sản phẩm dệt may
7. Các nội dung khác (nếu có):
8. Kết luận:
☒ Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.
☐ Sản phẩm không phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.

Người đánh giá
(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của lãnh đạo tổ chức, cá nhân
(ký tên, chức vụ, đóng dấu)



Phạm Thị Tuyết Mai



Ақпараттық жүйе



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đồng Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: ktnn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 30040/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Khẩu trang 4 lớp cao cấp
2. Mã số mẫu: 10208460/DV.1
3. Mô tả mẫu: Nguyên hộp 50 chiếc - Số lượng: 1
NSX: 30/09/2020 - HSD: 5 năm; Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày nhận mẫu: 02/10/2020
7. Thời gian thử nghiệm: 02/10/2020 - 20/10/2020
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO BÌNH AN
Địa chỉ: Thôn Thuận Minh, Xã Thuận Quý, Huyện Hàm Thuận Nam
Bình Thuận
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng 2,4,5-trimetylanilin	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.2*	Hàm lượng 2-naphtylamin	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.3*	Hàm lượng 3,3-diclobenzidin	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.4*	Hàm lượng 3,3'-dimetoxibenzen	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.5*	Hàm lượng 3,3'-dimetylbenzen	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.6*	Hàm lượng 4,4'-diaminobiphenylmetan	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.7*	Hàm lượng 4,4'-metylen-bis- (2-clo-anilin)	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.8*	Hàm lượng 4,4'-metylendi- o-toluidin	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.9*	Hàm lượng 4,4'-oxydianilin	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.10*	Hàm lượng 4,4'-thiodianilin	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.11*	Hàm lượng 4-aminoazobenzen	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.12*	Hàm lượng 4-cloanilin	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.13*	Hàm lượng 4-clo-o-toluidin	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.14*	Hàm lượng 4-metoxi-m- phenylendiamin	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

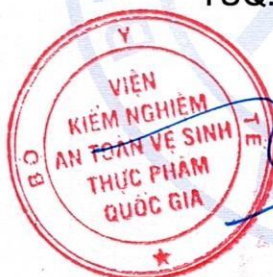
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đồng Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: ktnn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.15*	Hàm lượng 4-metyl-m-phenylendiamin	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.16*	Hàm lượng 5-Nitro-o-toluidin	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.17*	Hàm lượng 6-metoxi-m-toluidin	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.18*	Hàm lượng Benzidin	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.19*	Hàm lượng Biphenyl-4-ylamin	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.20*	Hàm lượng o-aminoazotoluen	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.21*	Hàm lượng o-anisidin	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.22*	Hàm lượng o-toluidin	mg/kg	NIFC.04.M.097 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 mg/kg)
9.23*	Hàm lượng Formaldehyde	mg/kg	NIFC.04.M.098 (UV-VIS)	KPH (LOD: 7 mg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2020

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



TRƯỞNG KHOA
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH THUẬN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

BẢN SAO
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3401145174

Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 03 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 06 tháng 04 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO BÌNH AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH AN HIGH TECH AGRICULTURE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: B A TECH

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thuận Minh, Xã Thuận Quý, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Điện thoại: 0339518888

Fax:

Email: tuyetmaipham1960@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM THỊ TUYẾT MAI	23/45 đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	90.000.000.000	90,000	001160017517	
2	DIANA WU	23/45 đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	5.000.000.000	5,000	025968718	
3	TRẦN MAI ANH	67 Phạm Ngọc Thạch, Phường 05, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	5.000.000.000	5,000	023753418	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHẠM THỊ TUYẾT MAI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/08/1960

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001160017517

Ngày cấp: 05/12/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 23/45 đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 23/45 đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí
Minh, Việt Nam

Số chứng thực: 227.12

Quyển số: 08 /SCT/BS tại UBND phường,

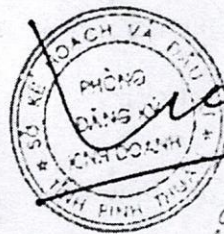
Ngày: 25-08-2020

CHỦ TỊCH UBND P.ĐÔNG HÒA



Nguyễn Thị Văn Bình

TRƯỞNG PHÒNG



Phan Thanh Liem